

Đà Lạt, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thu T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ryông Sre, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Công B**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 21/5, đường L, Phường D, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 08/3/2024).

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Lê Duy S**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 17A, đường N, Phường, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà **Nguyễn Phương N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 26D, đường H, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Sơn, bà Nga: Ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 66B2, đường Nguyễn Công Trứ, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Trần Lê Duy S và bà Nguyễn Phương Ng tự nguyện nhận trả cho bà Bùi Thị Thu T tổng số tiền là 1.854.400.000đ (bằng chữ: Một tỷ tám trăm năm mươi tư triệu bốn trăm đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là

1.824.000.00đ (Một tỷ tám trăm hai mươi tư triệu đồng) và số tiền lãi là 30.400.000đ (Ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

2.2. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Lê Duy S và bà Nguyễn Phương N thỏa thuận chịu 33.816.000đ (Ba mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Thu T 33.816.000đ (Ba mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000531 ngày 18/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Hòa